

Bản án số: 461/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 21-8-2023
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 4 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Kiều

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Hữu Long
- Bà Nguyễn Thị Đông Nguyệt

Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Dũng - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 4 - Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 4 tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Lý - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 4 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 553/2022/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2022 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 460/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 548/2023/QĐST- HNGĐ ngày 09 tháng 8 năm 2023 và Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 549/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 09 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1993

Địa chỉ: Ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Bị đơn: Ông Bùi Văn T1, sinh năm 1988

Địa chỉ: 1 T, Phường H, Quận D, TP ..

(Bà T và ông Thanh vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 01/8/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T trình bày:

Bà tự nguyện chung sống với ông Bùi Văn T1 từ năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh Bến Tre. Quá trình chung sống, vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn không giải quyết được do không cùng quan điểm

sống, ông T1 không quan tâm đến vợ con. Năm 2014, bà sinh con và về nhà cha mẹ tại huyện C, tỉnh Bến Tre ở cho đến nay. Vợ chồng đã ly thân và không còn tình cảm với nhau nên bà xin ly hôn với ông T1 để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Bà và ông T1 có một con chung tên Bùi Văn T2, sinh ngày 13/4/2014. Khi ly hôn, bà xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung và nghĩa vụ chung vợ chồng: Bà T xác nhận không có.

Bị đơn ông Bùi Văn T1 đã được Tòa án tổng đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án số 553/TB-TLVA ngày 16/12/2022, nhưng ông T1 không có ý kiến. Tòa án đã triệu tập ông T1 đến tòa để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải lần thứ nhất vào ngày 29/6/2023, lần thứ hai vào ngày 18/7/2023 nhưng ông T1 đều vắng mặt không có lý do nên trong hồ sơ vụ án không có ý kiến của ông T1 về yêu cầu khởi kiện của bà T.

Căn cứ kết quả xác minh của Công an P, Quận D thì ông Bùi Văn T1, sinh năm 1988, hộ khẩu thường trú 1 T, Phường H, Quận D và thực tế cư trú tại địa chỉ trên.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục do Bộ luật Tố tụng dân sự quy định. Các đương sự tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên:

+ Về quan hệ vợ chồng: Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Thanh T xin ly hôn ông Bùi Văn T1.

+ Về con chung: Giao con chung tên Bùi Văn T2, sinh ngày 13/4/2014 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà T không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung và nghĩa vụ chung vợ chồng: Bà T xác nhận không có. Ông Thanh vắng m không có lời khai tại Tòa án nên không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn là vụ án dân sự về tranh chấp ly hôn. Bị đơn đang cư trú tại Quận D nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 4 theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt (đơn đề ngày 18/7/2023). Bị đơn ông Bùi Văn T1 vắng mặt

không có lý do (vắng mặt lần thứ hai). Căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thanh T và ông Bùi Văn T1 chung sống với nhau từ năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh Bến Tre (Giấy chứng nhận kết hôn số 50, quyển số 01/2013 do Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh Bến Tre cấp ngày 27/5/2013) nên hôn nhân giữa bà T và ông T1 là hôn nhân hợp pháp.

Bà T xác nhận, vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn không giải quyết được do không cùng quan điểm sống, ông T1 không quan tâm đến vợ con. Hiện nay, vợ chồng đã ly thân và không còn tình cảm với nhau nên bà xin ly hôn với ông T1 để ổn định cuộc sống.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông T1 đến Tòa để tham dự phiên hòa giải đoàn tụ nhưng ông T1 vắng mặt không có lý do. Để có cơ sở xem xét yêu cầu của bà T, Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương nơi ông T1 đang sinh sống. Kết quả xác minh cho thấy: *“Qua xác minh hiện nay ông Bùi Văn T1 và bà Nguyễn Thị Thanh T không sống chung. Ông T1 sống tại địa chỉ 1 T, Phường H, Quận D. Bà T về sống ở ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Bến Tre. Ông T1 và bà T có 1 người con chung sinh năm 2014 hiện đang sống cùng mẹ tại địa chỉ nêu trên. Ông T1, bà T không có nộ đơn hòa giải tại UBND phường. Về mâu thuẫn giữa hai người UBND phường không rõ”*.

Xét thấy, hôn nhân giữa bà T và ông T1 đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, bà T yêu cầu được ly hôn với ông T1 là có căn cứ theo quy định tại Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì bà T và ông T1 có một con chung tên Bùi Văn T2, sinh ngày 13/4/2014 (giấy khai sinh số 85/2014, quyển số 01/2014 do Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh Bến Tre cấp ngày 08/5/2014). Bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con. Tại bản tự khai ngày 16/02/2023, trẻ Bùi Văn T2 có nguyện vọng sống với mẹ. Xét thấy, việc bà T yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với nguyện vọng của con nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Ghi nhận sự tự nguyện của bà T không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con.

[5] Tài sản chung và nghĩa vụ chung vợ chồng: Bà T xác nhận không có. Ông Bùi Văn T1 vắng mặt không có lời khai tại Tòa án. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà T phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự có hiệu lực thi hành ngày 01/7/2016;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 và 131 của Luật Hôn nhân và gia đình có hiệu lực thi hành ngày 01/01/2015;

Căn cứ vào Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thanh T.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thanh T được ly hôn với ông Bùi Văn T1.

1.2. Về con chung: Bà Nguyễn Thị Thanh T và ông Bùi Văn T1 có một con chung tên Bùi Văn T2, sinh ngày 13/4/2014. Giao con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận sự tự nguyện của bà T không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con.

Ông T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở, nhưng ông T1 không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người đang trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên.

1.3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung vợ chồng: Bà Nguyễn Thị Thanh T xác nhận không có. Ông Bùi Văn T1 vắng mặt không có lời khai tại Tòa án. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2. **Án phí dân sự sơ thẩm:** Bà Nguyễn Thị Thanh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Số tiền này được trừ vào tiền tạm ứng án phí mà bà T đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số AA/2021/0009325 ngày 03/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 4. Bà T đã nộp đủ án phí.

3. **Quyền kháng cáo:** Bà Nguyễn Thị Thanh T và ông Bùi Văn T1 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. **Quyền kháng nghị:** Viện kiểm sát có quyền kháng nghị bản án theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân TP. HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 4;
- Chi cục Thi hành án Quận 4;
- Lưu: Vp, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Thị Kiều